|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Đắk Nông, ngày tháng 6 năm 2023* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục**

**mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên**

**trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Thực hiện Thông báo số 05/TB-HĐND ngày 13/02/2023 của Hội đồng nhân tỉnh về việc kết luận Phiên họp thứ 26 Thường trực HĐND tỉnh khóa IV; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

**2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Thời gian qua, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên của tỉnh triển khai thực hiện quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND thực hiện đến năm học 2021-2022.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thay thế Nghị định số 86/2015/NĐ-CP.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “…*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương*”. Tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định: *“Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hằng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2023-2024”*.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

 Tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai thực hiện thu học phí từ năm học 2023-2024 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đảm bảo thống nhất, đúng quy định của pháp luật.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

 Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 được Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ các quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024. Sau khi xây dựng dự thảo, cơ quan soạn thảo đã tổ chức xin ý kiến góp ý của các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định (Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định chi tiết tại Báo cáo thẩm định số /BCTĐ-STP ngày tháng năm 2023). Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục**

 Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 gồm có 3 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức thu học phí

Điều 3. Tổ chức thực hiện

**2. Nội dung cơ bản**

Nghị quyết quy định mức thu học phí trong năm học 2023-2024; mức học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định dùng làm căn cứ quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định; cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn; điều chỉnh tăng 5% từ năm học 2024-2025 trở đi; mức thu học phí trong trường hợp học trực tuyến (học online) và xác định các cơ sở giáo dục công lập theo khu vực để xác định mức thu học phí; quy định thời gian thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng, cụ thể như sau:

a) Xác định các cơ sở giáo dục công lập theo khu vực để xác định mức thu học phí, gồm 03 khu vực:

Quy định về khu vực, vùng áp dụng thu học phí: Áp dụng theo quy định tại Quyết định số [861/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-861-qd-ttg-2021-danh-sach-cac-xa-iii-ii-i-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-mien-nui-476885.aspx%22%20%5Co%20%22Quy%E1%BA%BFt%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20861/Q%C4%90-TTg) ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số [612/QĐ-UBDT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-612-qd-ubdt-2021-danh-sach-cac-thon-dac-biet-kho-khan-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-489509.aspx%22%20%5Co%20%22Quy%E1%BA%BFt%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20612/Q%C4%90-UBDT) ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 cụ thể:

- Khu vực III: Bao gồm các xã khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ- TTg và các thôn, buôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số [612/QĐ-UBDT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-612-qd-ubdt-2021-danh-sach-cac-thon-dac-biet-kho-khan-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-489509.aspx%22%20%5Co%20%22Quy%E1%BA%BFt%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20612/Q%C4%90-UBDT) .

- Khu vực II: Bao gồm các xã, thị trấn khu vực II theo Quyết định số [861/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=861/Q%C4%90-TTg&match=True&area=2&lan=1" \o "861/QĐ-TTg) (trừ các thôn đặc biệt khó khăn).

- Khu vực I: Các xã, phường, thị trấn còn lại theo Quyết định số [861/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=861/Q%C4%90-TTg&match=True&area=2&lan=1" \o "861/QĐ-TTg).

b) Mức thu học phí trong năm học 2023-2024 *(áp dụng mức thu của vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)*:

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc khu vực III *(Bao gồm các xã khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ- TTg và các thôn, buôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số [612/QĐ-UBDT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-612-qd-ubdt-2021-danh-sach-cac-thon-dac-biet-kho-khan-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-489509.aspx%22%20%5Co%20%22Quy%E1%BA%BFt%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20612/Q%C4%90-UBDT))*: Thu theo mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực II (*Bao gồm các xã, thị trấn khu vực II theo Quyết định số [861/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=861/Q%C4%90-TTg&match=True&area=2&lan=1" \o "861/QĐ-TTg)- trừ các thôn đặc biệt khó khăn*): Mức thu tăng 10.000 đồng cho bậc học mầm non đến cấp trung học cơ sở *(tương đương tăng 20% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*) và tăng 20.000 đồng đối với cấp trung học phổ thông *(tương đương tăng 20% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).*

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực I (*Các xã, phường, thị trấn còn lại theo Quyết định số [861/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=861/Q%C4%90-TTg&match=True&area=2&lan=1" \o "861/QĐ-TTg))*: Mức thu tăng 20.000 đồng cho bậc học mầm non đến cấp trung học cơ sở *(tương đương tăng 40% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)* và tăng 40.000 đồng đối với cấp trung học phổ thông *(tương đương tăng 40% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).*

c) Học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được hỗ trợ 100% tiền đóng học phí theo mức học phí quy định tại Khoản 1 Điều này.

d) Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn

đ) Mức thu học phí từ năm học 2024-2025 trở đi:

Từ năm học 2024-2025 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu quy định tại Khoản 1 Điều này; được tính mức tăng 5% hằng tháng x 9 tháng và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

e) Trường hợp học trực tuyến (học online), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

f) Quy định thời gian thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng: Đối với các tháng có thời gian dạy học thực tế không đủ cả tháng, trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 14 ngày (*bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật*) thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng; trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày trở lên (*bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật*) thì thực hiện thu đủ tháng (*tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế*). Đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí không vượt quá 9 tháng/năm học.

**3. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông báo cáo, giải trình một số nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết**

a) Về nội dung phân khu vực

Cơ quan soạn thảo không áp dụng chia theo khu vực thành thị và nông thôn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP vì mức thu học phí quy định tại 02 vùng này rất cao so với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên địa bàn tỉnh *(cụ thể: khu vực thành thị từ 300 đến 650 nghìn đồng/học sinh/tháng tùy vào cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông; khu vực nông thôn từ 100 đến 330 nghìn đồng/học sinh/tháng tùy vào cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông).*

Trên cơ sở quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, việc xây dựng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh dựa trên mức thu học phí vùng dân tộc thiểu số và miền núi được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và phân chia 3 khu vực thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

Việc phân chia đơn vị hành chính cấp xã theo 3 khu vực để đảm bảo phù hợp với Quyết định số 861/QĐ-TTg và thuận tiện trong quá trình thực hiện, cụ thể:

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi:Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, tỉnh Đắk Nông có 46 xã, phường, thị trấn được công nhận thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 *(bao gồm 43 xã; phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô và thị trấn Ea T’Ling, huyện Cư Jút).*

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã *(không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg)*: 17 xã còn lại trên địa bàn tỉnh.

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn *(không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg)*: Có 08 phường, thị trấn *(bao gồm 05 phường thuộc thành phố Gia Nghĩa và 03 thị trấn tại 03 huyện)*.

b) Về nội dung từ năm học 2024-2025 trở đi, mức thu học phí điều chỉnh mỗi năm tăng 5% so với mức thu quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết:

- Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, từ năm học 2023-2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Như vậy, việc đề xuất tăng 5% trong dự thảo Nghị quyết là phù hợp với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Việc điều chỉnh mức học phí tăng 5% từ năm học 2024-2025 dự kiến thực hiện đến hết năm học 2026-2027, đảm bảo quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết được xuyên suốt; tránh việc hằng năm phải ban hành Nghị quyết điều chỉnh chỉ một nội dung.

- Mức tăng học phí 5% từ năm học 2024-2025 dự kiến đến hết năm học 2026-2027 không vượt quá mức trần theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể:

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc khu vực III: Đến năm học 2026-2027 tăng 15% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương 57.500 đồng/học sinh/tháng, đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 115.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

 + Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực II: Đến năm học 2026-2027, tăng 15% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương 69.000 đồng/học sinh/tháng, đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 138.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực I: Đến năm học 2026-2027, tăng 20% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương 80.500 đồng/học sinh/tháng đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 161.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

- Mức tăng 5% khi áp dụng sẽ tính ra con số chẵn để các cơ sở giáo dục thuận tiện và thống nhất trong việc triển khai thu học phí.

c) Về nội dung học trực tuyến (học online), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng:

 Đối với số tiền thu học phí *(thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí)*: Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại thực hiện cải cách tiền lương khi thay đổi mức lương cơ sở của nhà nước (*tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương*) và sử dụng 60% nguồn thu học phí dùng để chi phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí (*văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí; sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; trích khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí*)*.*

Như vậy, khi triển khai học trực tuyến thì chi phí chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí không có *(chủ yếu là người dạy và một số trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học trực tuyến)*; do đó, cơ quan soạn thảo xây dựng mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết để dùng chi trả tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương.

**V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**: Không.

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua Nghị quyết về việc Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

*(Hồ sơ gửi kèm, gồm: dự thảo Nghị quyết; Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Bản tổng hợp, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan; Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;- Thường trực Tỉnh ủy (b/c); - Thường trực HĐND tỉnh (b/c); - CT, các PCT UBND tỉnh;- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;- Ban VH-XH, HĐND tỉnh;- Các Sở: GD&ĐT, Tư pháp;- CVP, các PCVP UBND tỉnh; - Lưu: VT, TH, KGVX(Vn). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Tôn Thị Ngọc Hạnh** |